

CHÍNH PHỦ

Số: 51/2018/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 4 năm 2018

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2006 quy định chi tiết Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 158/2006/NĐ-CP)

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 3 như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

3. Lệnh giao dịch là yêu cầu bằng văn bản hoặc các hình thức có giá trị tương đương văn bản của khách hàng nhằm thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa”.

2. Bổ sung khoản 14, khoản 15 vào Điều 3 như sau:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

14. Liên thông là việc các Sở Giao dịch hàng hóa có thỏa thuận kết nối với nhau, theo đó hợp đồng hàng hóa của Sở Giao dịch hàng hóa này được giao dịch tại Sở Giao dịch hàng hóa kia và ngược lại.

15. Hoạt động môi giới mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa là việc thành viên của Sở Giao dịch hàng hóa làm trung gian thực hiện việc mua bán hợp đồng hàng hóa cho khách hàng trên Sở Giao dịch hàng hóa.”

3. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 4 như sau:

“Điều 4. Quản lý nhà nước

b) Quyết định việc thành lập và hoạt động của Sở Giao dịch hàng hóa, phê chuẩn Điều lệ hoạt động và phê chuẩn việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ hoạt động của Sở Giao dịch hàng hóa;”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Thương nhân Việt Nam tham gia giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài

1. Thương nhân Việt Nam có quyền tham gia hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài thông qua các Sở Giao dịch hàng hóa tại Việt Nam có liên thông với Sở giao dịch hàng hóa ở nước ngoài.

2. Sở Giao dịch hàng hóa có trách nhiệm ban hành và công bố quy chế giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài.

3. Việc thanh toán đối với các giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài được thực hiện thông qua tổ chức tín dụng được phép thực hiện hoạt động thanh toán quốc tế trên cơ sở tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối có liên quan.

4. Việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa để thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài thực hiện theo quy định về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan.”

5. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5 như sau:

“Điều 5a. Thông báo liên thông giao dịch qua Sổ Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài

1. Trong trường hợp Sổ Giao dịch hàng hóa tại Việt Nam liên thông với Sổ Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài, phải nộp hồ sơ thông báo với Bộ Công Thương theo một trong ba cách: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử của Bộ Công Thương. Hồ sơ bao gồm:

- a) Văn bản thông báo về việc liên thông với Sổ Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài;
- b) Biên bản hợp tác giữa Sổ Giao dịch hàng hóa tại Việt Nam với Sổ Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài hoặc thành viên kinh doanh của Sổ giao dịch hàng hóa ở nước ngoài có xác nhận của cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước ngoài.

2. Sổ Giao dịch hàng hóa gửi 01 bộ hồ sơ thông báo về Bộ Công Thương chậm nhất 30 ngày kể từ ngày ký Biên bản hợp tác với Sổ Giao dịch hàng hóa tại nước ngoài. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ thông báo của Sổ Giao dịch hàng hóa về liên thông với Sổ Giao dịch hàng hóa ở nước ngoài, Bộ Công Thương có văn bản phản hồi đến Sổ Giao dịch hàng hóa nếu hồ sơ thông báo chưa đầy đủ. Sau thời hạn trên, nếu Sổ Giao dịch hàng hóa không nhận được văn bản phản hồi từ Bộ Công Thương có nghĩa là hồ sơ thông báo của Sổ Giao dịch hàng hóa đã đầy đủ, hợp lệ.”

6. Sửa đổi Điều 6 như sau:

“Điều 6. Địa vị pháp lý của Sổ Giao dịch hàng hóa

Sổ Giao dịch hàng hóa là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp và quy định của Nghị định này.”

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Điều kiện thành lập Sổ Giao dịch hàng hóa

Sổ Giao dịch hàng hóa được thành lập nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- 1. Vốn điều lệ từ một trăm năm mươi (150) tỷ đồng trở lên;
- 2. Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng các yêu cầu về giải pháp công nghệ và kỹ thuật trong hoạt động mua bán hàng hóa qua Sổ Giao dịch hàng hóa, cụ thể:

- Hệ thống máy chủ hoạt động ổn định và có tối thiểu một máy chủ dự phòng luôn ở trạng thái sẵn sàng trong trường hợp hệ thống chính xảy ra sự cố;
- Hệ thống máy chủ đảm bảo sao lưu dữ liệu của các ứng dụng nghiệp vụ, dữ liệu giao dịch, đảm bảo khôi phục thông tin dữ liệu trong trường hợp phát sinh sự cố;
- Phần mềm ứng dụng phải thực hiện các yêu cầu về quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật;
- Hệ thống phần mềm phải có chức năng nhật ký thao tác để lưu vết mọi giao dịch hàng hóa, thanh toán, giao nhận trong quy trình nghiệp vụ tối thiểu trong thời gian 05 năm;
- Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin mạng, nếu có.

3. Điều lệ hoạt động không trái với các quy định của Nghị định này.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 như sau:

“Điều 9. Hồ sơ đề nghị thành lập Sở Giao dịch hàng hóa

Hồ sơ đề nghị thành lập Sở Giao dịch hàng hóa bao gồm:

1. Văn bản đề nghị thành lập Sở Giao dịch hàng hóa theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này;
2. Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
3. Giải trình kinh tế kỹ thuật với các nội dung về mục tiêu, trụ sở hoạt động, cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin kèm các tài liệu chứng minh;
4. Dự thảo Điều lệ hoạt động của Sở Giao dịch hàng hóa với các nội dung theo quy định tại Điều 14 Nghị định này kèm Biên bản thông qua dự thảo Điều lệ. Dự thảo Điều lệ hoạt động do người đại diện theo pháp luật của Sở Giao dịch hàng hóa ký.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Thẩm tra và cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa

1. Bộ Công Thương là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và chịu trách nhiệm thẩm tra các điều kiện và hồ sơ đề nghị thành lập Sở Giao dịch hàng hóa theo quy định tại Nghị định này.
2. Trình tự cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa

- a) Thương nhân gửi 01 bộ hồ sơ về Bộ Công Thương theo một trong ba cách: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử của Bộ Công Thương.
- b) Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Bộ Công Thương có văn bản yêu cầu thương nhân sửa đổi, bổ sung.
- c) Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Công Thương có trách nhiệm thẩm tra và cấp Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa theo mẫu tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này trong trường hợp thương nhân đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Bộ Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do từ chối.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 11 như sau:

“Điều 11. Nội dung Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa

Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa đồng thời là Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bao gồm các nội dung sau:

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính;
2. Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của Sở Giao dịch hàng hóa;
3. Số đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp thành lập Sở Giao dịch hàng hóa;
4. Vốn điều lệ của Sở Giao dịch hàng hóa;
5. Hàng hóa giao dịch.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

“Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa

1. Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy phép thành lập được quy định tại Điều 11 Nghị định này, Sở Giao dịch hàng hóa phải lập hồ sơ gửi về Bộ Công Thương đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập theo một trong ba cách: Gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử của Bộ Công Thương.
2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Sở Giao dịch hàng hóa được lập thành 01 bộ bao gồm: